

THÁI ĐỘ VỀ VAI TRÒ GIỚI VÀ LÒNG TỰ TRỌNG Ở SINH VIÊN VIỆT NAM: VAI TRÒ TRUNG GIAN CỦA CĂNG THẲNG VAI TRÒ GIỚI

Gender Role Attitudes and Self-Esteem among Vietnamese University

Students: The Mediating Role of Gender Role Stress

Quang Thị Mộng Chi^{(1)*}, Võ Nguyễn Thiên Ngọc⁽¹⁾

⁽¹⁾Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

TÓM TẮT

Nghiên cứu này xem xét mối quan hệ giữa thái độ về vai trò giới, căng thẳng vai trò giới và lòng tự trọng trong một mô hình trung gian toàn phần. Dữ liệu được thu thập từ 497 sinh viên đang theo học tại Trường Đại học KHXH&NV TP.HCM, sử dụng các thang đo chuẩn hóa và phương pháp phân tích trung gian Bootstrapping. Kết quả phân tích cho thấy căng thẳng vai trò giới đóng vai trò trung gian toàn phần giữa thái độ về vai trò giới và lòng tự trọng, gợi mở rằng việc giảm thiểu căng thẳng vai trò giới là một chiến lược quan trọng trong việc hỗ trợ sức khỏe tinh thần cho người trẻ tuổi. Nghiên cứu đóng góp vào việc hiểu rõ hơn những trải nghiệm vai trò giới trong bối cảnh xã hội Việt Nam đang chuyển mình.

Từ khóa: vai trò giới, lòng tự trọng, căng thẳng vai trò, bình đẳng giới

ABSTRACT

This study examines the relationship between gender role attitudes, gender role stress, and self-esteem within a full mediation model. Data were collected from 497 undergraduate students at the University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University – Ho Chi Minh City, using standardized measurement scales and bootstrapped mediation analysis. The findings indicate that gender role stress fully mediates the relationship between gender role attitudes and self-esteem, suggesting that reducing gender role stress is a critical strategy for supporting young people's mental health. This study contributes to a deeper understanding of gender role experiences in the context of Vietnam's ongoing social transformation.

Keywords: gender roles, self-esteem, gender role stress, gender equality

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, các chuẩn mực giới tính đang ngày càng trở thành chủ đề được quan tâm rộng rãi trong lĩnh vực khoa học xã hội và tâm lý học. Những thập niên gần đây chứng kiến sự gia tăng của các nghiên cứu về vai trò giới và ảnh hưởng của chúng đến sức khỏe tâm thần, đặc biệt ở nhóm thanh niên. Trong

đó, **thái độ về vai trò giới** – tức hệ thống niềm tin và quan điểm cá nhân về vai trò xã hội của nam và nữ – được xem là yếu tố quan trọng trong việc hình thành bản sắc cá nhân và điều chỉnh hành vi xã hội (Eagly & Wood, 2012).

Một biến tâm lý quan trọng liên quan đến quá trình này là **lòng tự trọng** – mức độ cá nhân cảm thấy hài lòng và tôn trọng

*Tác giả liên hệ: quangmongchi@hcmussh.edu.vn

bản thân (Rosenberg, 1965; Donnellan et al., 2010). Lòng tự trọng có thể bị ảnh hưởng bởi mức độ hòa hợp giữa nhận thức cá nhân và các chuẩn mực xã hội. Khi các chuẩn mực giới truyền thống mâu thuẫn với nhận thức hoặc trải nghiệm thực tế – điều thường xảy ra ở nhóm thanh niên đang trong quá trình định hình bản sắc – có thể xuất hiện hiện tượng **căng thẳng vai trò giới**, từ đó tác động tiêu cực đến sự tự định giá bản thân (Gillespie & Eisler, 1992; Sedikides & Gress, 2003).

Tại Việt Nam, quá trình hiện đại hóa đang tạo ra nhiều thay đổi trong nhận thức giới, tuy nhiên các chuẩn mực giới truyền thống vẫn còn tồn tại sâu rộng, đặc biệt trong môi trường giáo dục đại học và gia đình. Sự giao thoa giữa giá trị hiện đại và truyền thống có thể khiến thanh niên – đặc biệt là sinh viên – rơi vào trạng thái mâu thuẫn nội tại, vừa muốn khẳng định bản thân theo hướng bình đẳng giới, vừa phải đáp ứng các kỳ vọng giới được xã hội đặt ra.

Tổng hợp từ các nghiên cứu quốc tế cho thấy mối liên hệ giữa thái độ vai trò giới, căng thẳng vai trò giới và lòng tự trọng là phức tạp. Matud et al. (2019) phát hiện rằng sự tuân thủ vai trò giới truyền thống làm tăng nguy cơ gặp phải các vấn đề tâm lý. Tương tự, Harrington et al. (2022) cho thấy căng thẳng vai trò giới có liên quan chặt chẽ đến lòng tự trọng thấp, đặc biệt ở nữ giới. Tuy nhiên, một số nghiên cứu khác như của Kargin et al. (2020) lại không ghi nhận khác biệt rõ rệt về lòng tự trọng giữa hai giới, cho thấy vai trò điều tiết của các yếu tố văn hóa – xã hội là rất đáng chú ý. Một điểm đáng lưu ý là nhiều nghiên cứu ghi nhận nữ giới có xu hướng thể hiện thái độ bình đẳng giới cao hơn, nhưng đồng thời cũng trải nghiệm mức độ căng thẳng cao hơn (Kazmierczak,

2010; Gallagher, 2011).

Tại Việt Nam, một số nghiên cứu đã bước đầu tiếp cận vấn đề vai trò giới từ góc độ xã hội học và giáo dục (Schutz Lee et al., 2010; Phạm Thị Tâm, 2019), tuy nhiên vẫn còn thiếu các nghiên cứu định lượng tích hợp, đặc biệt là những nghiên cứu kiểm định mô hình lý thuyết với sự tham gia của nhóm thanh niên Gen Z – thế hệ đang trải nghiệm sâu sắc sự xung đột giá trị giữa truyền thống và hiện đại.

Để lấp đầy khoảng trống nghiên cứu đó, bài báo này được thực hiện với mục tiêu kiểm định mô hình trung gian, trong đó căng thẳng vai trò giới được giả định là biến trung gian toàn phần trong mối quan hệ giữa thái độ vai trò giới và lòng tự trọng. Nghiên cứu tập trung khảo sát sinh viên một trường đại học công lập trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh – nhóm đại diện cho thế hệ trẻ Việt Nam đang chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ quá trình chuyển đổi xã hội.

Nghiên cứu kỳ vọng sẽ cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về cơ chế tâm lý xã hội liên quan đến trải nghiệm giới ở thanh niên, đồng thời đề xuất các định hướng ứng dụng trong công tác tư vấn học đường, giáo dục giới tính và nâng cao sức khỏe tinh thần trong môi trường đại học.

1. Phương pháp nghiên cứu

1.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng, thiết kế cắt ngang, với mục tiêu kiểm định mô hình trung gian giữa ba biến: thái độ vai trò giới, căng thẳng vai trò giới và lòng tự trọng.

1.2. Khách thể nghiên cứu

Khách thể gồm 497 sinh viên chính quy văn bằng 1 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, trong độ tuổi từ 18 đến 24. Tỷ lệ giới tính bao gồm 19% nam và 81% nữ. Cỡ mẫu được xác định theo công thức Slovin

và bổ sung dự phòng mất mẫu. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện.

1.3. Công cụ nghiên cứu

a. Thang đo Thái độ vai trò giới (GRA):

Sử dụng thang đo được phát triển bởi Zeyneloğlu & Terzioğlu (2011), bao gồm các phát biểu thể hiện quan điểm cá nhân về 5 khía cạnh: bình đẳng giới, vai trò giới nữ, vai trò giới trong hôn nhân, vai trò giới truyền thống, vai trò giới nam.

b. Thang đo Căng thẳng vai trò giới (GRS):

Bao gồm hai phiên bản: thang đo căng thẳng vai trò giới nữ (FGRS – Gillespie & Eisler, 1992) và thang đo căng thẳng vai trò giới nam (MGRS – Eisler & Skidmore, 1987). Mỗi thang gồm 39–40 mục, đánh giá các loại áp lực xã hội điển hình gắn với kỳ vọng giới tính.

c. Thang đo Lòng tự trọng (Rosenberg Scale):

Gồm 10 mục, đánh giá mức độ hài lòng với bản thân của người tham gia, sử dụng thang Likert 4 điểm. Đây là thang đo phổ biến, đã được kiểm định độ tin cậy trong nhiều nghiên cứu xuyên văn hóa.

Tất cả các thang đo đều có **độ tin cậy Cronbach's Alpha > .70**, đảm bảo độ tin cậy chấp nhận được.

1.4. Quy trình thực hiện

- Bảng hỏi được thử nghiệm thí điểm trên một nhóm nhỏ ($n = 30$) để đảm bảo rõ ràng, phù hợp văn hóa.

- Sau điều chỉnh, khảo sát chính thức được phát hành qua Google Forms.

- Người tham gia điền thông tin ẩn danh và có thể rút lui bất kỳ lúc nào. Dữ liệu được thu thập, mã hóa và xử lý bảo mật.

1.5. Phân tích dữ liệu

- Phân tích thống kê mô tả: Trung bình, độ lệch chuẩn của GRA, GRS, Se

- Phân tích tương quan: **Spearman** để kiểm tra mối quan hệ giữa các biến.

- Phân tích trung gian theo phương pháp **Bootstrapping** với 5000 mẫu lặp lại

- Phần mềm xử lý: **Jamovi 2.3.28**

2. Kết quả

2.1. Thống kê mô tả

Kết quả nghiên cứu thống kê mô tả (Bảng 2.1) về thái độ vai trò giới, căng thẳng vai trò giới và lòng tự trọng ở 497 người tham gia cho thấy những phát hiện đáng chú ý. Tổng thể, cả nam và nữ sinh đều nằm trong khoảng trung bình của các chỉ số nghiên cứu về thái độ vai trò giới và lòng tự trọng, tuy nhiên chỉ số nghiên cứu về căng thẳng vai trò giới của 100% khách thể ở mức cao (>120 ở nam, >117 ở nữ). Ngoài ra, khi xét riêng về giới, kết quả cho thấy những khác biệt đáng chú ý. Về thái độ vai trò giới, cả hai nhóm nam và nữ đều nằm trong phạm vi thái độ truyền thống vừa phải (89-139). Về căng thẳng vai trò giới, cả hai nhóm đều ở mức độ cao (>120 ở nam và >117 ở nữ), với điểm trung bình tổng mẫu là 134. Kết quả về lòng tự trọng cho thấy cả hai nhóm đều nằm ở mức độ bình thường (15-25), với điểm trung bình 24.4. Phân phối dữ liệu tương đối cân bằng.

Bảng 2.1. Thực trạng về thái độ vai trò giới, căng thẳng vai trò giới và lòng tự trọng

Các khía cạnh đo lường	Điểm trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Thái độ vai trò giới (GRA)	118	8.43
Căng thẳng vai trò giới (GRS)	134	27.2
Lòng tự trọng (Se)	24.4	4.94

2.2. Tương quan Spearman

Để phân tích mối liên hệ giữa thái độ về vai trò giới (GRA), căng thẳng vai trò giới (GRS), lòng tự trọng (Se), và do nghiên cứu có phân phối không chuẩn test tương quan Spearman được sử dụng. Kết quả phân tích tương quan Spearman cho thấy mối

tương quan thuận yếu giữa thái độ về vai trò giới và căng thẳng vai trò giới ($r_s = .191$, $p < .001$), và giữa căng thẳng vai trò giới và lòng tự trọng ($r_s = .171$, $p < .001$). Không có mối tương quan có ý nghĩa thống kê giữa thái độ về vai trò giới và lòng tự trọng ($r_s = .012$, $p = .781$). (Bảng 2.2)

Bảng 2.2. Tương quan Spearman giữa GRA, GRS, Se

		GRA	GRS	Se
GRA	Spearman's rho	—		
	p	—		
GRS	Spearman's rho	.191***	—	
	p	< .001	—	
Se	Spearman's rho	.012	.171***	—
	p	.781	< .001	—

Note. * $p < .05$, ** $p < .01$, *** $p < .001$

2.3. Phân tích trung gian Bootstrapping

Phân tích mô hình trung gian Bootstrapping cho thấy căng thẳng vai trò giới đóng vai trò trung gian toàn phần trong mối quan hệ giữa thái độ về vai trò giới và lòng tự trọng (Bảng 2.3). Kết quả cho thấy tác động tổng thể (total effect) của thái độ về vai trò giới lên lòng tự trọng không đạt ý nghĩa thống kê ($\beta = .008$, $SE = .026$, $p = .754$); tác động trực tiếp (direct effect) của biến thái độ về vai trò giới đến biến lòng tự trọng không đạt ý nghĩa thống kê ($\beta = -.016$, $SE = .026$, $p = .544$); tác động gián tiếp (indirect effect) của thái độ về vai trò giới lên lòng tự trọng thông qua biến căng thẳng vai trò giới đạt được ý nghĩa thống kê ($\beta = .024$, $SE = .008$, $p = .002$). Như vậy, vai trò

trung gian của căng thẳng vai trò giới được ủng hộ, trong đó do tác động gián tiếp có ý nghĩa thống kê trong khi tác động tổng thể không có ý nghĩa thống kê, điều này cho thấy căng thẳng vai trò giới đóng vai trò trung gian toàn phần (full mediation) trong mối quan hệ giữa thái độ về vai trò giới và lòng tự trọng. Có thể hiểu theo cách khác là không phải bản thân thái độ về vai trò giới mà chính trải nghiệm thực tế về căng thẳng vai trò giới mới ảnh hưởng đến lòng tự trọng. Điều này phản ánh tính thực tiễn trong tâm lý của Gen Z - họ bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi trải nghiệm thực tế hơn là quan điểm trừu tượng và có xu hướng phát triển lòng tự trọng thông qua việc đối mặt và vượt qua các thách thức về vai trò giới.

Bảng 2.3. Tác động trực tiếp, gián tiếp và tổng thể của mô hình trung gian

Effect	β	SE	95% Confidence Interval		
			Lower	Upper	p
Indirect	.02373	.00781	.00963	.0399	.002
Direct	- .015666	.02582	-.06644	.0352	.544
Total	.00807	.02571	-.04333	.0581	.754

Khi tiếp tục so sánh mối quan hệ của các biến trong mô hình trung gian (Bảng 2.4), kết quả cho thấy:

Thái độ về vai trò giới có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê lên căng thẳng vai trò giới ($\beta = .742$, $SE = .148$, $p < .001$). Mối quan hệ tích cực này phản ánh thực tế rằng Gen Z (18 - 24 tuổi) tại Việt Nam càng có thái độ bình đẳng về vai trò giới, càng trải nghiệm nhiều căng thẳng vai trò giới. Điều này có thể giải thích bởi thế hệ Gen Z đang sống trong bối cảnh chuyển đổi văn hóa - xã hội mạnh mẽ: Một mặt, họ được giáo dục và nuôi dưỡng trong môi trường còn mang đậm quan niệm truyền thống về vai trò giới, mặt

khác, họ tiếp xúc với các giá trị hiện đại về bình đẳng giới thông qua giáo dục và mạng xã hội. Sự đối lập này tạo ra xung đột nội tâm và căng thẳng khi họ cố gắng dung hòa các giá trị để tạo thành con người cho chính họ.

Căng thẳng vai trò giới có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê lên lòng tự trọng ($\beta = .032$, $SE = .009$, $p < .001$). Đối với giai đoạn phát triển 18 - 24 tuổi, căng thẳng vai trò giới có thể đóng vai trò như một động lực thúc đẩy Gen Z phát triển bản thân, đồng thời, thông qua quá trình đối mặt với các thách thức về vai trò giới có thể giúp họ xây dựng sự tự tin và định hình bản sắc cá nhân mạnh mẽ hơn.

Bảng 2.4. Mối quan hệ trong mô hình trung gian

Path	β	SE	95% Confidence Interval		
			Lower	Upper	p
GRA $\rightarrow$ GRS	.07424	.14816	.4415	1.0159	< .001
GRS $\rightarrow$ Se	.032	.00852	.0149	.0484	< .001
GRA $\rightarrow$ Se	- .0157	.02582	-.0664	.0352	.544

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy những phát hiện đáng chú ý về mối quan hệ giữa thái độ vai trò giới, căng thẳng vai trò giới và lòng tự trọng ở sinh viên Việt Nam. Thứ nhất, kết quả thống kê mô tả cho thấy mức độ căng thẳng vai trò giới của 100% khách

thể ở mức cao, với điểm trung bình tổng mẫu là 134. Thứ hai, phân tích tương quan Spearman xác nhận mối tương quan thuận có ý nghĩa thống kê giữa thái độ vai trò giới và căng thẳng vai trò giới ($r_s = .191$, $p < .001$), cũng như giữa căng thẳng vai trò

giới và lòng tự trọng ($rs = .171, p < .001$). Thứ ba, kết quả phân tích trung gian Bootstrapping đã chứng minh vai trò trung gian toàn phần của căng thẳng vai trò giới trong mối quan hệ giữa thái độ vai trò giới và lòng tự trọng, với tác động gián tiếp có ý nghĩa thống kê ($\beta = .024, SE = .008, p = .002$), trong khi tác động trực tiếp không đạt ý nghĩa thống kê ($\beta = -.016, SE = .026, p = .544$). Điều này phản ánh rằng không phải bản thân thái độ vai trò giới mà chính trải nghiệm căng thẳng vai trò giới mới là yếu tố trực tiếp ảnh hưởng đến lòng tự trọng của sinh viên trong bối cảnh xã hội Việt Nam đang chuyển đổi.

3. Thảo luận

Kết quả cho thấy rằng mặc dù thái độ vai trò giới mang xu hướng bình đẳng hơn, nhưng điều này không trực tiếp dẫn đến tăng lòng tự trọng nếu cá nhân phải đối mặt với áp lực từ chuẩn mực giới truyền thống. Căng thẳng vai trò giới đóng vai trò trung gian rõ rệt – những người có thái độ tiến bộ nhưng sống trong môi trường duy trì định kiến giới có thể trải nghiệm nhiều mâu thuẫn nội tâm và căng thẳng hơn, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến cách họ nhìn nhận giá

trị bản thân.

Điều này phù hợp với các lý thuyết về vai trò giới (Eagly & Wood, 2012) và nghiên cứu trước đó (Kazmierczak, 2010; Matud et al., 2019), khẳng định rằng bản thân nhận thức tiến bộ không đủ để bảo vệ sức khỏe tâm lý nếu môi trường xã hội chưa thay đổi tương ứng. Kết quả cũng gợi mở rằng can thiệp vào lòng tự trọng ở thanh niên cần đi kèm với việc giảm thiểu căng thẳng vai trò giới thông qua giáo dục giới, thay đổi kỳ vọng gia đình – xã hội, và nâng cao năng lực tự nhận thức của sinh viên.

4. Kết luận

Nghiên cứu này khẳng định rằng thái độ vai trò giới ảnh hưởng đến lòng tự trọng thông qua vai trò trung gian của căng thẳng vai trò giới. Điều này cho thấy cần chú trọng không chỉ vào việc thay đổi nhận thức về giới, mà còn vào việc hỗ trợ cá nhân vượt qua các áp lực và mâu thuẫn trong thực tế xã hội. Kết quả nghiên cứu có thể làm nền tảng cho các chương trình tư vấn tâm lý học đường và xây dựng môi trường giáo dục nhạy cảm giới, từ đó góp phần nâng cao sức khỏe tâm thần cho thanh niên Việt Nam.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề án mã số NCM2023-01.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bem, S. L. (1981). Gender schema theory: A cognitive account of sex typing. *Psychological Review*, 88(4), 354–364.
- Donnellan, M. B., Trzesniewski, K. H., & Robins, R. W. (2010). Measures of self-esteem. In J. Maltby, L. A. Day, & A. Macaskill (Eds.), *Personality, individual differences and intelligence* (pp. 119–122). Pearson Education.
- Eagly, A. H., & Wood, W. (2012). Social role theory. In P. Van Lange, A. Kruglanski, & E. T. Higgins (Eds.), *Handbook of theories of social psychology* (Vol. 2, pp. 458–476). Sage.
- Eisler, R. M., & Skidmore, J. R. (1987). *Masculine Gender Role Stress: Scale development*

- and component factors in the appraisal of stressful situations. *Behavior Modification*, 11(2), 123–136.
- Gillespie, B. L., & Eisler, R. M. (1992). Development of the Feminine Gender Role Stress scale: A cognitive-behavioral measure of stress, appraisal, and coping. *Behavior Modification*, 16(3), 426–438.
- Harrington, A. G., Overall, N. C., & Maxwell, J. A. (2022). Feminine Gender Role Discrepancy Strain and Women's Self-Esteem in Daily and Weekly Life: A Person x Context Perspective. *Sex Roles*, 87(1–2), 35–51. <https://doi.org/10.1007/s11199-022-01305-1>
- Kargin, M., Aytıp, S., Hazar, S., & Yüksekol, Ö. D. (2020). The relationship between gender role stress and self esteem in students of faculty of health sciences. *Perspectives in Psychiatric Care*, 57(1), 363–370. <https://doi.org/10.1111/ppc.12605>
- Kazmierczak, M. (2010). Gender role stress and interpersonal relationships. *Polish Psychological Bulletin*, 41(4), 160–168.
- Matud, M. P., García, M. C., & Fortes, D. (2019). Gender and psychological well-being. *Journal of Happiness Studies*, 20(1), 73–95.
- Rosenberg, M. (1965). *Society and the adolescent self-image*. Princeton University Press.
- Sedikides, C., & Gress, C. L. Z. (2003). Portraits of the self. In M. R. Leary & J. P. Tangney (Eds.), *Handbook of self and identity* (pp. 110–136). The Guilford Press.

Ngày nhận bài: 16/02/2025

Ngày chấp nhận đăng: 31/3/2025